

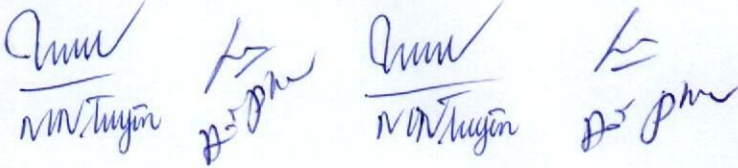
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804101] - Mạng truyền thông
công nghiệp (CCQ2215A)
CBGD: Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 19...
Số bài thi: 19...
Số tờ giấy thi: 19...



STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121150059	Bùi Ngọc Bảo	08/07/2003	CCQ2115B					
2	2122150013	Nguyễn Quốc Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		Bảo	7.3	8.0	7.7
3	2122150040	Huỳnh Duy Bình	08/10/2004	CCQ2215A		Bình	9.0	9.0	9.0
4	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C		Chương	7.3	8.5	8.0
5	2122150027	Lữ Phan Thành Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		Dat	8.8	8.5	8.6
6	2122150024	Huỳnh Thanh Hào	02/03/2004	CCQ2215A		Hào	8.0	9.0	8.6
7	2122150021	Hoàng Văn Huấn	06/06/2004	CCQ2215A		Huân	8.5	8.0	8.2
8	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		Hùng	7.2	7.5	7.4
9	2122150032	Vì Tuấn Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		Hùng	9.0	9.0	9.0
10	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C		Huy	7.7	8.8	8.4
11	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A		Huy	7.3	7.5	7.4
12	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C		Huy	6.8	7.5	7.2
13	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C		Huy	7.3	8.8	8.2
14	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		Khô	8.7	9.5	9.2
15	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C		Kiệt	7.3	9.5	8.6
16	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A		Lý	9.0	9.0	9.0
17	2122150011	Lê Quốc Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		Mạnh	6.8	7.5	7.2
18	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B		Sơn	9.0	9.5	9.3
19	2122150085	Võ Đức Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D		Thịnh	8.7	9.0	8.9
20	2122150056	Phan Văn Vi	06/11/2004	CCQ2215D		Vi	7.0	7.0	7.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures of examiners)

Môn học : [22804102] - Mạng truyền thông
công nghiệp (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)
Số SV có mặt:.....18..
Số bài thi:18..
Số tờ giấy thi:.....18..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt		25/04/2004	CCQ2215C		<i>(Signature)</i>	7.3	9.0	8.3
2	2122150101	Nguyễn Minh Lý		28/12/2003	CCQ2215A		<i>(Signature)</i>	7.2	8.5	8.0
3	2122170583	Huỳnh Thái Nhã		30/06/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	8.0	8.5	8.3
4	2122150037	Đỗ Thế Quân		01/01/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	5.8	6.0	5.9
5	2122150017	Trần Khánh Quốc		27/10/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	5.9	8.0	7.2
6	2122150007	Nguyễn Minh Tâm		27/10/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.2	8.0	7.3
7	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn		11/06/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.5	8.5	7.7
8	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh		28/09/2003	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	5.8	7.5	6.8
9	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh		28/06/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	8.7	9.3	9.1
10	2122150025	Phan Ngọc Thông		21/03/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	8.8	9.3	9.1
11	2122150006	Nguyễn Thành Tính		20/04/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	8.8	9.3	9.1
12	2122150019	Nguyễn Minh Trí		01/11/2003	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	5.9	7.0	6.6
13	2122150042	Đặng Công Trình		26/04/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.2	8.0	7.3
14	2122150031	Nguyễn Minh Trức		17/02/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	8.7	9.0	8.9
15	2122150030	Hồ Quang Trung		28/10/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.2	7.0	6.7
16	2122150014	Nguyễn Văn Truyền		25/10/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.0	5.0	5.4
17	2121150064	Nguyễn Đình Tú		09/09/2002	CCQ2115B					
18	2122150096	Tô Tuấn Việt		14/10/2004	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	7.0	9.0	8.2
19	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ		19/10/2003	CCQ2215B		<i>(Signature)</i>	6.2	6.0	6.1